

Chuyên đề IV. Thu thập báo cáo về phát triển kinh tế xã hội tại xã Hưng Nhân

Chuyên đề IV. Thu thập báo cáo về phát triển kinh tế xã hội tại xã Hưng Nhân

Người thực hiện:

Mở đầu

Các báo cáo phát triển kinh tế - xã hội khu vực nghiên cứu là điều kiện cần để chính quyền địa phương làm cơ sở để định hướng phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Hiện nay trên địa bàn khu vực nghiên cứu có các báo cáo về hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, như các báo cáo tổng kết theo quý, theo tháng và hằng năm về tình hình sản xuất nông nghiệp – nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, giai đoạn (2000-2010).

Các báo cáo kinh tế - xã hội mang tính chất khái quát hóa phát triển kinh tế địa phương, mang tính chất chung với những con số tổng quan nhất, không mang tính chất cụ thể và chi tiết. Do vậy chúng ta phải tiến hành tổng hợp lại thông qua cách phân tích cụ thể, chi tiết hóa từng thành phần riêng rẽ, để có thể nhận biết và so sánh được những ngành kinh tế với nhau, xem xét những ngành kinh tế nào là ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương cần phát huy và chi tiết ở đây là xã Hưng Nhân.

Các phương pháp thu thập dữ liệu ban đầu

2.1 Thu thập trực tiếp.

Phương pháp thu thập thông tin ưu tiên ở các khu vực nghiên cứu này là phỏng vấn trực tiếp: Các điều tra viên của dự án phỏng vấn trực tiếp hỏi người dân được điều tra và tự ghi chép dữ liệu vào câu hỏi và phiếu điều tra. Thời gian phỏng vấn có thể kéo dài trong vòng 1 giờ đồng hồ/phiếu. Tùy thuộc vào số lượng dữ liệu cần thu thập; và nhân viên trực tiếp phỏng vấn có điều kiện để có thể giải thích một cách đầy đủ, cặn kẽ, đặt những câu hỏi chi tiết để khai thác thông tin và kiểm tra dữ liệu trước khi ghi chép vào phiếu điều tra.

2.2 Nội dung điều tra

Nội dung điều tra là thu thập các thông tin về ảnh hưởng của thủy tai (hạn hán, lũ lụt, xâm ngập mặn) ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp của người dân trên địa bàn xã Hưng Nhân và một số kinh nghiệm dân gian áp dụng cho việc phòng tránh và hạn chế thiệt hại do thủy tai gây ra trên địa bàn khu vực nghiên cứu.

2.3. Xác định thời điểm, thời kỳ điều tra

Thời điểm điều tra tiến hành trong khoảng 5 năm (giai đoạn 2008-2013), Thời kỳ thực hiện điều tra vào 2 giai đoạn bao gồm cả vụ hè thu và đông xuân hằng năm. Thời hạn điều tra thực hiện trong thời gian 10 ngày trong vòng từ 20-30/7/2013.

Khái niệm và đối tượng thống kê kinh tế - xã hội

Khái niệm

Thống kê là hệ thống các phương pháp dùng để thu thập, xử lý và phân tích các con số (mặt lượng) của hiện tượng số lớn nhằm tìm hiểu bản chất và tính quy luật vốn có của chúng (mặt chất) trong điều kiện thời gian và không gian cụ thể.

Thứ nhất: Thống kê là số liệu được thu thập để phản ánh các hiện tượng kinh tế - xã hội, tự nhiên, kỹ thuật. Ví dụ: Dân số của một địa phương tại một thời điểm nào đó; số trẻ em sinh ra trong năm của một tỉnh A.

Thứ hai: Thống kê là hệ thống các phương pháp được sử dụng để nghiên cứu các hiện tượng kinh tế- xã hội, tự nhiên kỹ thuật. Ví dụ: Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009, Tổng tỷ suất sinh của Việt Nam là 2,03 con/phụ nữ .

Thực ra khi hỏi thống kê là gì, có nhiều cách trả lời, ví dụ trả lời như sau có thể khó bắt bẻ “Thống kê là công việc mà các nhà thống kê làm”. Công việc của nhà thống kê gồm rất nhiều hoạt động trên một phạm vi rộng, có thể tóm tắt thành các mục lớn như sau:

Thu thập và xử lý số liệu.

Điều tra thống kê chọn mẫu.

Nghiên cứu mối liên hệ giữa các hiện tượng

Dự đoán (dự báo).

Nghiên cứu các hiện tượng trong hoàn cảnh không chắc chắn – Ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn.

Thống kê chia thành hai lĩnh vực

Thống kê mô tả: Gồm các phương pháp thu thập số liệu, mô tả và trình bày số liệu, tính toán các đặc trưng đo lường.

Thống kê suy diễn: Gồm các phương pháp như ước lượng, kiểm định, phân tích mối liên hệ, dự đoán.. trên cơ sở các thông tin thu thập từ mẫu.

Trong kinh tế- xã hội, thống kê quan tâm nghiên cứu các hiện tượng:

Các hiện tượng về nguồn tài nguyên, môi trường, của cải tích lũy.

- + Các hiện tượng về sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng sản phẩm
- + Các hiện tượng về dân số, nguồn lao động
- + Các hiện tượng về đời sống vật chất, văn hóa của dân cư
- + Các hiện tượng về sinh hoạt chính trị xã hội.

Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu của thống kê là mặt lượng trong sự liên hệ mật thiết với mặt chất của các hiện tượng số lớn, trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể.

Xuất phát từ đối tượng nghiên cứu trên, thống kê có nhiệm vụ cụ thể sau:

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê

Thu thập thông tin

Tổng hợp thông tin

Phân tích thống kê

Dự đoán thống kê

Đề xuất ý kiến cho quyết định quản lý

3.3 Một số khái niệm thường dùng trong thống kê

Quy luật số lớn: Quy luật số lớn là phạm trù của lý thuyết xác suất, ý nghĩa của quy luật này là tổng hợp sự quan sát số lớn tới mức đầy đủ các sự kiện cá biệt ngẫu nhiên thì tính tất nhiên của hiện tượng sẽ bộc lộ.

Quy luật số lớn không giải thích bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội, hiện tượng dân số, nhưng vận dụng quy luật số lớn người ta có thể biểu hiện bản chất cụ thể của hiện tượng kinh tế - xã hội, hiện tượng dân số.

Thống kê vận dụng quy luật số lớn để lượng hóa bản chất và quy luật của hiện tượng kinh tế - xã hội thông qua tính quy luật thống kê.

Ví dụ: Tỷ số giới tính khi sinh được xác định bằng số bé trai trên 100 bé gái mới sinh ra của một thời kỳ, thường là một năm lịch (12 tháng).

Giả sử năm 2011, ta đếm số trẻ em sinh ra tại tỉnh A, như sau: Gia đình thứ nhất sinh con trai, gia đình thứ hai sinh con gái, gia đình thứ ba sinh đôi con trai,.. Nếu ta đếm trong phạm vi 300 trường hợp (tương đương số sinh 1 xã trong năm) , số bé trai là 180 cháu và số bé gái là 120 cháu, tỷ số là 150/100. Lý do, số lượng trường hợp sinh được đếm quá nhỏ nên chưa thể hiện bản chất của hiện tượng tỷ số giới tính khi sinh. Nhưng nếu ta đếm tất cả số sinh của tỉnh A, thì số bé trai là 5.300 cháu và số bé gái là 5.000 cháu, tỷ số là 106/100. Khi số lượng cá thể được đếm đủ lớn (trường hợp này là trên 10.000 cháu) nên đã thể hiện bản chất của hiện tượng tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh A.

*Tính quy luật thống kê: Tính quy luật thống kê là một trong những hình thức biểu hiện mối liên hệ chung của các hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.

Tính quy luật thống kê không phải là tính quy luật của hiện tượng cá biệt mà là kết quả nghiên cứu của thống kê đối với hiện tượng số lớn, trong đó chênh lệch về số lượng ở từng đơn vị cá biệt ngẫu nhiên. Về thực chất, tính quy luật của thống kê cũng như các quy luật nói chung phản ánh những mối liên hệ nhân quả tất nhiên. Nhưng các mối liên hệ này thường không có tính chất chung rộng rãi mà phụ thuộc vào phạm vi thời gian và không gian nhất định, tồn tại trong điều kiện phát triển cụ thể của hiện tượng.

Tính quy luật thống kê không phải là tác động của một nguyên nhân mà là toàn bộ các nguyên nhân kết hợp với nhau. Đó là biểu hiện tổng hợp của mối liên hệ nhân quả, là đặc trưng của hiện tượng số lớn được tổng hợp lại qua các tổng thể thống kê. Nhìn chung càng mở rộng phạm vi nghiên cứu về thời gian và không gian thì tính quy luật trong thống kê càng thể hiện rõ.

Ví dụ: Tiếp theo ví dụ trên, Tỷ số giới tính khi sinh được xác định bằng số bé trai trên 100 bé gái mới sinh ra của một thời kỳ, thường là một năm lịch (12 tháng). Bình thường tỷ số này dao động từ 103 đến 107 và rất ổn định qua thời gian và không gian (quy luật thống kê).

Tổng thể thống kê: Tổng thể là khái niệm để chỉ đối tượng nghiên cứu cụ thể. Tổng thể thống kê là hiện tượng kinh tế- xã hội số lớn gồm những đơn vị (phần tử, hiện tượng) cá biệt cần được quan sát, phân tích mặt lượng của chúng. Ví dụ: Toàn bộ nhân khẩu của nước ta tại thời điểm ngày 1/4/2009 là một tổng thể thống kê, bao gồm nhiều nhân khẩu với những đặc trưng khác nhau.

Tổng thể có thể phân loại theo cách thể hiện:

+ Tổng thể bộc lộ là tổng thể gồm các đơn vị cấu thành tổng thể có thể thấy được bằng trực quan (quan sát được) ví dụ: số nhân khẩu, số trường đại học.

+ Tổng thể tiềm ẩn là tổng thể gồm các đơn vị không thể nhận biết được bằng trực quan (không quan sát được). ví dụ: số phụ nữ đang sử dụng một số biện pháp tránh thai.

Tổng thể có thể phân loại theo đặc điểm:

+ Tổng thể đồng chất là tổng thể gồm các đơn vị giống nhau về một số đặc điểm chủ yếu có liên quan đến mục đích nghiên cứu.

+ Tổng thể không đồng nhất là tổng thể gồm các đơn vị khác nhau về các đặc điểm, các loại hình.

Tổng thể cũng có thể phân loại theo tính chất

+ Tổng thể chung là tổng thể gồm tất cả đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu.

+ Tổng thể bộ phận là tổng thể bao gồm chỉ những đơn vị thuộc bộ phận.

Định nghĩa tổng thể không những chỉ giới hạn về thực thể (tổng thể là gì?) mà cần phải giới hạn về thời gian và không gian (tổng thể tồn tại vào thời gian nào? ở đâu?).

Định nghĩa tổng thể làm rõ đặc trưng cơ bản chung của hiện tượng kinh tế xã hội số lớn phù hợp với mục đích nghiên cứu. Thông qua việc phân tích lý luận và thực tiễn phải làm rõ tổng thể đó bao gồm đơn vị cá biệt, các hiện tượng cá biệt là đơn vị tổng thể. Tất cả các đơn vị cá thể thuộc tổng thể chỉ giống nhau một số mặt còn một số mặt khác thì khác nhau. Trong thực tế, phải nêu rõ tổng thể nghiên cứu bao gồm những đơn vị tổng thể nào.

Ví dụ: tổng thể những phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ từ 15 đến 49 tuổi, nó không bao gồm những phụ nữ trên 50 tuổi.

Đơn vị tổng thể bao giờ cũng có đơn vị tính toán phù hợp. Xác định đơn vị tổng thể là việc cụ thể hóa tổng thể. Cho nên xác định đơn vị tổng thể cũng quan trọng như xác định tổng thể.

*Tiêu thức thống kê: Nghiên cứu thống kê phải dựa vào các đặc điểm của đơn vị tổng thể. Đơn vị nghiên cứu có nhiều đặc điểm, nên tùy theo mục đích nghiên cứu mà chọn lựa một số đặc điểm. Các đặc điểm này gọi là các tiêu thức.

Ví dụ: một người trong tổng thể nhân khẩu có các tiêu thức: họ và tên, năm sinh, giới tính, trình độ văn hóa, tình trạng hôn nhân, nơi ở, nghề nghiệp...

Đơn vị tổng thể được làm rõ đặc trưng của nó qua các tiêu thức: thực thể, thời gian và không gian.

- Tiêu thức thực thể: nêu lên bản chất của đơn vị tổng thể. Ví dụ: giới tính, năm sinh, trình độ văn hóa, nghề nghiệp. Theo nội dung, tiêu thức thực thể gồm hai loại là thuộc tính và số lượng.

+ Tiêu thức thuộc tính là tiêu thức không có biểu hiện trực tiếp bằng các con số. Ví dụ: giới tính, trình độ học vấn...

Tiêu thức thuộc tính có thể có biểu hiện trực tiếp. Ví dụ; giới tính có biểu hiện trực tiếp là nam và nữ.

Tiêu thức thuộc tính có thể biểu hiện gián tiếp. Các biểu hiện gián tiếp của tiêu thức thuộc tính còn gọi là chỉ báo thống kê. Ví dụ: tiêu thức đời sống vật chất có biểu hiện gián tiếp: lượng tiêu dùng thịt, sữa theo đầu người.

+ Tiêu thức số lượng là tiêu thức có biểu hiện trực tiếp bằng các con số (gọi là lượng biến). Tiêu thức số lượng còn gọi là tiêu thức lượng hóa. Ví dụ: năng suất lao động có biểu hiện trực tiếp là số sản phẩm sản xuất ra trong một đơn vị thời gian của một người công nhân ngành dệt.

+ Tiêu thức thực thể nếu chỉ có hai biểu hiện không trùng nhau trên một đơn vị tổng thể được gọi là tiêu thức thay phiên. Ví dụ: tiêu thức giới tính (nam, nữ)

Tiêu thức thực thể có ba biểu hiện trở lên có thể trở thành tiêu thức thay phiên. Ví dụ trình độ văn hóa có thể rút gọn thành hai tiêu thức: biết chữ và mù chữ. Những trường hợp này được tiến hành khi người ta chỉ quan tâm đến một biểu hiện nào đó, xuất hiện hay không xuất hiện trên đơn vị tổng thể.

Tiêu thức thời gian: Nêu hiện tượng kinh tế - xã hội xuất hiện vào thời gian nào. Những biểu hiện của tiêu thức thời gian là ngày, tháng, năm. Thời gian có giá trị của các chỉ dẫn về đối tượng nghiên cứu và đơn vị tổng thể, về sự phân phối chúng trong một thời gian cũng như thay đổi từ thời kỳ này đến thời kỳ khác được khẳng định qua tiêu thức thời gian.

Ví dụ: theo Tổng điều tra dân số và nhà ở vào 0 giờ ngày 1/4/2009, dân số nước ta là 85,8 triệu người, Nam là 42,2 triệu người, chiếm 49% dân số; Nữ là 43,6 triệu người, chiếm 51%; so với năm 1999 tăng 9,47 triệu người, tức là tăng 1,2%/năm. Như vậy, Tổng dân số nước ta và phân bố theo giới tính có giá trị tại 0 giờ ngày 1/4/2009. Dân số tăng là 9,47 triệu người với tốc độ tăng là 1,2 %/năm có giá trị trong thời kỳ 1999-2009.

Tiêu thức không gian: nêu phạm vi lãnh thổ bao trùm của đơn vị nghiên cứu và sự xuất hiện theo địa điểm của các đơn vị tổng thể.

Những biểu hiện của nó chỉ ra nhờ sự phân định về mặt quản lý hành chính hoặc theo điều kiện tự nhiên, vùng kinh tế. Nghiên cứu thống kê theo tiêu thức không gian có ý nghĩa quan trọng, trước hết là gắn với tiêu thức thực tế để quan sát phân phối về mặt lãnh thổ của các đơn vị tổng thể.

Ví dụ: người ta không chỉ quan tâm đến số lượng cơ cấu tuổi của người lao động mà còn phải chỉ ra số người lao động này ở đâu.

Các tiêu thức góp phần vào việc khẳng định đơn vị tổng thể cũng như tổng thể, vì chúng nêu rõ các mặt và tính chất nhất định của đơn vị tổng thể. Nhờ đó chúng ta phân biệt đơn vị này với đơn vị khác, tổng thể này với tổng thể kia.

3.4 Chỉ tiêu thống kê

Chỉ tiêu thống kê là tiêu chí mà biểu hiện bằng số của nó phản ánh quy mô, tốc độ phát triển, cơ cấu, quan hệ tỷ lệ của hiện tượng kinh tế - xã hội trong điều kiện không gian và thời gian cụ thể.

Mỗi chỉ tiêu thống kê đều gắn với một đơn vị đo lường và phương pháp tính cụ thể. Chỉ tiêu thống kê có hai bộ phận: khái niệm và con số. Ví dụ: [khái niệm] Tổng số nhân khẩu thực tế thường trú [không gian] tại Việt Nam [thời gian] vào thời điểm 0 giờ ngày 1/4/2009 là 85.789.573 [số lượng] người [đơn vị tính].

Theo nội dung phản ánh, có chỉ tiêu khối lượng và chỉ tiêu chất lượng:

+ Chỉ tiêu khối lượng phản ánh quy mô, khối lượng của tổng thể. Ví dụ: Tổng số dân số, số nam...vv

+ Chỉ tiêu chất lượng phản ánh các đặc điểm về mặt chất, trình độ phổ biến, mối quan hệ tổng thể. Ví dụ: Số bác sĩ trên một vạn dân,...

Tuy nhiên, sự phân biệt giữa hai loại chỉ tiêu trên chỉ có ý nghĩa tương đối.

Theo hình thức biểu hiện, có chỉ tiêu hiện vật và chỉ tiêu giá trị:

+ Chỉ tiêu hiện vật biểu hiện bằng đơn vị tự nhiên. Ví dụ: số lượng máy siêu âm xách tay tính bằng cái, sản lượng lương thực tính bằng tấn,... hoặc đơn vị đo lường quy ước như: vải tính bằng mét, nước mắm tính bằng lít, v.v...

+ Chỉ tiêu giá trị biểu hiện bằng đơn vị tiền tệ Đồng Việt Nam, ngoài ra còn được tính bằng ngoại tệ như đô la Mỹ, Euro.. Ví dụ: Giá trị sản xuất công nghiệp được, doanh thu tiêu thụ sản phẩm được tính bằng Đồng Việt Nam (nghìn đồng, triệu đồng..); kim ngạch xuất, nhập khẩu được tính bằng đô la Mỹ.

Theo đặc điểm về thời gian, có chỉ tiêu thời điểm và chỉ tiêu thời kỳ:

+ Chỉ tiêu thời điểm phản ánh quy mô của hiện tượng nghiên cứu tại một thời điểm. Vì vậy, quy mô của hiện tượng nghiên cứu không phụ thuộc vào độ dài thời gian nghiên cứu.

+ Chỉ tiêu thời kỳ phản ánh quy mô của hiện tượng nghiên cứu trong một thời kỳ nhất định. Vì vậy, quy mô của hiện tượng nghiên cứu phụ thuộc vào độ dài thời gian nghiên cứu.

Hệ thống chỉ tiêu thống kê là tập hợp những chỉ tiêu thống kê nhằm phản ánh bản chất của lĩnh vực nghiên cứu. Hệ thống chỉ tiêu thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Trong thống kê kinh tế - xã hội có nhiều loại hệ thống chỉ tiêu thống kê: Hệ thống chỉ tiêu thống kê của từng ngành, từng lĩnh vực và hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia hoặc chung cho nhiều lĩnh vực, ... Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia chung cho nhiều lĩnh vực là hệ thống chỉ tiêu có phạm vi rộng, phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước hoặc về các mặt sản xuất vật chất, dịch vụ, đời sống văn hóa, xã hội.

Bảng thống kê

Các dữ liệu thu thập được xây dựng dưới dạng bảng thống kê trong phần mềm excel như: (sản lượng, năng suất các loại cây nông nghiệp, số lượng các loại gia súc, gia cầm.....vv) là một hình thức trình bày các tài liệu thống kê một cách có hệ thống, hợp lý và rõ ràng, nhằm nêu lên các đặc trưng về mặt số lượng cũng như là chất lượng. Bảng thống kê được trình bày một cách khoa học hợp lý sẽ giúp ta dễ dàng nhận biết, so sánh, đối chiếu và phân tích để tìm ra bản chất và xu hướng phát triển của 3 xã trong giai đoạn 2008 - 2010. Đồng thời việc sử dụng các bảng thống kê nhằm tính toán dễ dàng hơn và tránh được sai sót và rút ngắn thời gian.

Nội dung các bảng thống kê

Bảng thống kê gồm hai phần: phần chủ từ và phần giải thích (phân tân từ).

Phần chủ từ: các đối tượng được thống kê (lúa, ngô, lợn, bò...)

Phần tân từ: các chỉ tiêu giải thích các đặc điểm của đối tượng (sản lượng, năng suất, số lượng.....).

Cấu trúc bảng thống kê có thể được biểu hiện như sau:

Tên bảng thống kê

Tên	Các chỉ tiêu					
	(1)	(2)	(3)	...	(4)	(5)
(a)						
Lúa						
Ngô						
.....						
Cộng						

KẾT LUẬN

Trên cơ sở các báo cáo phát triển kinh tế - xã hội (khu vực nghiên cứu) chúng ta tiến hành phân tích, tổng hợp và có những giải pháp phát triển tiếp theo cho khu vực.

Các báo cáo kinh tế - xã hội địa phương chỉ cho chúng ta thấy những ưu nhược điểm cần phát huy và hạn chế trong quá trình xây dựng kế hoạch cho địa phương. Trong đó nông nghiệp (sản xuất nông nghiệp) chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành.

Các hoạt động thủy tai (ngập lụt, hạn hán, xâm ngập mặn) ảnh hưởng không nhỏ tới các hoạt động sản xuất (đặc biệt là sản xuất lúa). Trong đó xâm ngập mặn thường ảnh hưởng tới sản xuất lúa vụ Đông xuân và ngập lụt ảnh hưởng tới sản xuất lúa vụ Hè thu (có thể mất trắng).

Báo cáo cho thấy các mặt tích cực trong công tác phòng chống thủy tai của nhân dân địa phương. Bằng các hoạt động giúp đỡ lẫn nhau phòng tránh thiên tai (cùng nhau chống lũ). Sự giúp đỡ của các đoàn thể địa phương và các tổ chức khác kể cả vật chất, lẫn tinh thần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Giáo trình lý thuyết thống kê: Ứng dụng trong quản trị và kinh tế, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Thống kê (2004).

Giáo trình lý thuyết thống kê, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Thống kê (2006).

Giáo trình thống kê Y tế công cộng (phần 1 Thống kê cơ bản), Đại học Y tế công cộng, Nhà xuất bản Y học (2005).